

Số: **149** /2020/TT-BCA

Hà Nội, ngày **31** tháng **12** năm **2020**

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định một số nội dung trong công tác phòng cháy, chữa cháy, gồm: Hồ sơ quản lý, nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển

chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy; khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ cao; phân cấp quản lý về phòng cháy và chữa cháy; kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy; phê duyệt, thực tập phương án chữa cháy; hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy và truyền tin báo sự cố; thành lập đội phòng cháy, chữa cháy chuyên ngành; nội dung, thời lượng bồi dưỡng kiến thức về phòng cháy và chữa cháy; tem kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân hoạt động, sinh sống trên lãnh thổ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Phụ lục

Ban hành kèm theo Thông tư này Phụ lục biểu mẫu sử dụng trong công tác phòng cháy và chữa cháy:

1. Phiếu chiến thuật chữa cháy (Mẫu số 01).
2. Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về phòng cháy và chữa cháy (Mẫu số 02).
3. Tem kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy (Mẫu số 03).

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy

1. Hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy của cơ sở thuộc danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (sau đây viết gọn là Nghị định số 136/2020/NĐ-CP) do người đứng đầu cơ sở lập, lưu giữ, gồm:

a) Nội quy, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về phòng cháy và chữa cháy; quyết định phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy của cơ sở (nếu có);

b) Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế, văn bản thẩm duyệt thiết kế (nếu có); văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình thuộc danh mục quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP;

c) Bản sao bản vẽ tổng mặt bằng thể hiện giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, bố trí công năng của các hạng mục, dây chuyền công nghệ trong cơ sở đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (nếu có);

d) Quyết định thành lập đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở, đội phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành (nếu có);

đ) Quyết định cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ hoặc bản sao chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ do cơ quan Công an có thẩm quyền cấp;

e) Phương án chữa cháy của cơ sở được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kế hoạch, báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án chữa cháy;

g) Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; tài liệu ghi nhận kết quả tự kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy của cơ sở; báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy định kỳ 06 tháng của người đứng đầu cơ sở theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; báo cáo khi có thay đổi về điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy (nếu có); văn bản kiến nghị về công tác phòng cháy và chữa cháy, biên bản vi phạm, quyết định xử lý vi phạm hành chính về phòng cháy và chữa cháy, quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ hoạt động, quyết định phục hồi hoạt động của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

h) Báo cáo vụ cháy, nổ (nếu có); thông báo kết luận điều tra nguyên nhân vụ cháy của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

i) Tài liệu ghi nhận kết quả kiểm tra điện trở nối đất chống sét, kiểm định hệ thống, thiết bị, đường ống chịu áp lực theo quy định (nếu có);

k) Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy (nếu có);

l) Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với cơ sở thuộc danh mục quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

2. Hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy của cơ sở thuộc danh mục quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP gồm các nội dung quy định tại điểm a, đ, e, g, h và điểm k khoản 1 Điều này.

3. Người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm tổ chức cập nhật, bổ sung hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy.

Điều 5. Nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy

1. Nội quy an toàn về phòng cháy và chữa cháy phải phù hợp với tính chất, đặc điểm hoạt động của cơ sở và gồm các nội dung cơ bản sau: Quy định việc quản lý, sử dụng điện, nguồn lửa, nguồn nhiệt, chất dễ cháy, nổ, thiết bị, dụng cụ có khả năng sinh lửa, sinh nhiệt; quy định việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị phòng

cháy và chữa cháy; những hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy; những việc phải làm khi có cháy, nổ xảy ra.

2. Sơ đồ chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy phải thể hiện đường, lối thoát nạn, vị trí bố trí phương tiện, thiết bị chữa cháy của khu vực, tầng nhà. Tùy theo tính chất, đặc điểm hoạt động cụ thể của cơ sở, sơ đồ chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy có thể tách thành các sơ đồ chỉ dẫn riêng thể hiện một hoặc một số nội dung nêu trên.

3. Biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, gồm:

a) Biển cấm lửa, biển cấm hút thuốc, biển cấm mang, sử dụng diêm, bật lửa, điện thoại di động, thiết bị thu phát sóng, các thiết bị, vật dụng, chất có khả năng phát sinh nhiệt, tia lửa hoặc lửa tại nơi sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ, xăng, dầu, khí đốt hóa lỏng, hóa chất dễ cháy, nổ;

b) Biển báo khu vực có nguy hiểm về cháy, nổ;

c) Biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, gồm: Biển chỉ hướng thoát nạn, cửa thoát nạn; biển chỉ vị trí trụ, cột, bể, bển lấy nước chữa cháy.

4. Quy cách, mẫu biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy thực hiện theo quy định của Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4879:1989 Phòng cháy - Dấu hiệu an toàn. Trong trường hợp cần phải quy định rõ hiệu lực của biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn thì phải có biển phụ kèm theo.

5. Nội quy an toàn, sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy phải được phổ biến và niêm yết ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành.

Điều 6. Khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ cao

Khu dân cư có nguy cơ cháy, nổ cao là khu dân cư quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP khi có một trong những tiêu chí như sau:

1. Có làng nghề sản xuất, kinh doanh hàng hóa dễ cháy, nổ.

2. Có tối thiểu 20% hộ gia đình sinh sống kết hợp với sản xuất, kinh doanh hàng hóa, hóa chất dễ cháy, nổ trên tổng số nhà ở hộ gia đình.

3. Có cơ sở chế biến, sản xuất, bảo quản dầu mỡ và sản phẩm dầu mỡ, khí đốt, hóa chất nguy hiểm về cháy, nổ; kho dầu mỡ và sản phẩm dầu mỡ, kho khí đốt, hóa chất nguy hiểm về cháy, nổ; cửa hàng kinh doanh xăng dầu.

Điều 7. Phân cấp quản lý về phòng cháy và chữa cháy trong Công an nhân dân

Giám đốc Công an cấp tỉnh căn cứ bộ máy tổ chức, biên chế, địa bàn, số lượng cơ sở theo danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số

136/2020/NĐ-CP để quyết định phân cấp quản lý về phòng cháy và chữa cháy cho Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh quản lý đối với phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy của cơ quan, tổ chức có trụ sở trên địa bàn và các loại hình cơ sở sau: Trụ sở cơ quan hành chính cấp tỉnh trở lên; cơ sở, hạ tầng kỹ thuật có liên quan đến phòng cháy và chữa cháy của đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp nằm trên 02 địa bàn hành chính cấp huyện trở lên và cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ phù hợp với yêu cầu bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy. Việc quản lý về phòng cháy và chữa cháy các cơ sở còn lại của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP do Công an cấp huyện thực hiện.

Điều 8. Kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy

1. Người đứng đầu cơ sở, chủ phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy, chủ hộ gia đình, chủ rừng quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP căn cứ vào điều kiện, thực tế hoạt động và yêu cầu bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy có trách nhiệm tổ chức kiểm tra thường xuyên về an toàn phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi quản lý của mình. Nội dung kiểm tra thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP tương ứng với từng loại hình.

2. Kết quả kiểm tra phải thể hiện các nội dung cơ bản sau:

- a) Phạm vi được kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy;
- b) Ghi nhận và đánh giá các điều kiện không bảo đảm dẫn đến nguy cơ mất an toàn, vi phạm về phòng cháy, chữa cháy (nếu có), đề xuất các biện pháp khắc phục, xử lý nguy cơ mất an toàn, vi phạm về phòng cháy và chữa cháy;
- c) Các nội dung khác có liên quan (nếu có).

3. Báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy của người đứng đầu cơ sở quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP gửi cơ quan Công an quản lý trực tiếp gồm các nội dung cơ bản sau:

- a) Kết quả tự kiểm tra duy trì điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy;
- b) Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền;
- c) Các nội dung khác (nếu có).

Điều 9. Thẩm quyền phê duyệt phương án chữa cháy

1. Thẩm quyền phê duyệt phương án chữa cháy

a) Bộ trưởng Bộ Công an phê duyệt phương án chữa cháy của cơ quan Công an có huy động lực lượng, phương tiện của Công an nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án chữa cháy của cơ quan Công an có huy động lực lượng, phương tiện của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý;

c) Giám đốc Công an cấp tỉnh phê duyệt phương án chữa cháy của cơ quan Công an có huy động lực lượng, phương tiện của nhiều lực lượng Công an trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án chữa cháy của cơ quan Công an có huy động lực lượng, phương tiện của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý;

đ) Trưởng phòng Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở và phương án chữa cháy của cơ quan Công an đối với các cơ sở được phân cấp quản lý;

e) Trưởng Công an cấp huyện phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở và phương án chữa cháy của cơ quan Công an đối với các cơ sở được phân cấp quản lý;

g) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án chữa cháy của khu dân cư thuộc phạm vi quản lý; người đứng đầu cơ sở thuộc danh mục quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở đối với cơ sở thuộc phạm vi quản lý; chủ phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở đối với phương tiện giao thông cơ giới thuộc phạm vi quản lý.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, người có thẩm quyền quy định tại các điểm đ, e và Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại điểm g khoản 1 Điều này có trách nhiệm xem xét, phê duyệt và lưu 01 bản phương án chữa cháy của cơ sở đã được phê duyệt; trường hợp không phê duyệt phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

2. Phương án chữa cháy của cơ quan Công an sau khi được phê duyệt theo quy định, đơn vị trực tiếp xây dựng phương án có trách nhiệm xây dựng Phiếu chiến thuật chữa cháy theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và sao gửi cho cơ quan Công an có lực lượng, phương tiện tham gia trong phương án.

Điều 10. Thời hạn thực tập phương án chữa cháy

1. Phương án chữa cháy của cơ sở quy định tại điểm a khoản 3 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP phải được tổ chức thực tập ít nhất một lần một năm và thực tập đột xuất khi có yêu cầu bảo đảm về an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với các sự kiện đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội tổ chức ở địa phương. Mỗi lần thực tập phương án chữa cháy có thể thực tập một hoặc nhiều tình huống khác nhau, nhưng phải bảo đảm tất cả các tình huống trong phương án lần lượt được tổ chức thực tập.

2. Phương án chữa cháy của cơ quan Công an quy định tại điểm b, c khoản 3 Điều 19 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP được tổ chức thực tập khi có yêu cầu của người có thẩm quyền phê duyệt phương án chữa cháy. Trước khi tổ chức thực tập phương án, cơ quan Công an có trách nhiệm tổ chức thực tập phương án phải thông báo bằng văn bản cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ sở nơi tổ chức thực tập trước thời điểm thực tập ít nhất 05 ngày làm việc và gửi yêu cầu huy động lực lượng, phương tiện cho các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được huy động tham gia thực tập phương án trước thời điểm thực tập ít nhất 05 ngày làm việc.

Điều 11. Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy và truyền tin báo sự cố

1. Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy và truyền tin báo sự cố, gồm: Cơ sở dữ liệu về phòng cháy và chữa cháy; cơ sở hạ tầng thông tin.

2. Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy, gồm: Thông tin báo sự cố (cháy, tai nạn; báo lỗi của hệ thống, thiết bị báo cháy), tình trạng hoạt động của hệ thống phòng cháy, chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật có liên quan đến phòng cháy, chữa cháy tại cơ sở; đặc điểm của cơ sở có liên quan đến công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; lực lượng, phương tiện, hệ thống giao thông, nguồn nước phục vụ hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của cơ sở; công tác kiểm tra, xử lý vi phạm về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; việc thực hiện quy định về phòng cháy, chữa cháy trong đầu tư xây dựng; phương án chữa cháy, phương án cứu nạn, cứu hộ; tình hình cháy, nổ, sự cố, tai nạn của cơ sở; những thay đổi của cơ sở có liên quan đến công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; các thông tin khác có liên quan đến hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của cơ sở.

3. Cơ sở hạ tầng thông tin bao gồm: Các thiết bị (máy chủ, thiết bị phần cứng, hệ thống kết nối) trang bị tại cơ quan Công an ở cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện; thiết bị truyền tin báo sự cố trang bị tại cơ sở; phần mềm lưu trữ, xử lý thông tin cơ

sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy từ các cơ sở đến cơ quan Công an và giữa cơ quan Công an các cấp.

4. Kết nối, truyền dẫn dữ liệu, thông tin: Thông tin báo sự cố của cơ sở được thực hiện thông qua thiết bị truyền tin báo sự cố và dịch vụ kết nối từ các cơ sở đến cơ quan Công an do các đơn vị cung cấp dịch vụ truyền tin báo sự cố thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật. Cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy và các thông tin báo sự cố phải được kết nối đồng bộ với phần mềm quản lý của cơ quan Công an; phải bảo đảm yêu cầu về an ninh, an toàn và bảo mật theo quy định.

Điều 12. Đầu tư, quản lý, khai thác vận hành hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy và truyền tin báo sự cố

1. Cơ sở hạ tầng thông tin của hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy và truyền tin báo sự cố được đầu tư theo quy định của pháp luật, bảo đảm các nguyên tắc cung cấp hàng hóa và dịch vụ công, bảo đảm quyền của các cá nhân, tổ chức trong việc tiếp cận và sử dụng hạ tầng phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của cơ sở thuộc diện phải cung cấp cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy và lắp đặt thiết bị truyền tin báo sự cố:

a) Bố trí người có trách nhiệm cập nhật đầy đủ các thông tin về công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại cơ sở theo yêu cầu của cơ quan Công an; trường hợp có thay đổi so với thông tin ban đầu thì phải cập nhật ngay những thông tin thay đổi; chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của thông tin;

b) Lựa chọn thiết bị truyền tin báo sự cố phù hợp để đáp ứng được yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư này. Cài đặt tối thiểu 02 số điện thoại thường trực nhận tin nhắn, cuộc gọi cảnh báo cháy, sự cố, tai nạn từ hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy và truyền tin báo sự cố;

c) Chịu trách nhiệm quản lý thiết bị truyền tin báo sự cố theo đúng thông tin đã cung cấp cho cơ quan Công an. Sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, bảo trì thiết bị đúng kỹ thuật, đúng quy trình của đơn vị cung cấp dịch vụ và hướng dẫn của cơ quan Công an.

3. Điều kiện và trách nhiệm của đơn vị cung cấp cơ sở hạ tầng thông tin, đơn vị cung cấp dịch vụ truyền tin báo sự cố theo phạm vi dịch vụ cung cấp của mỗi đơn vị:

a) Có giải pháp, hệ thống công nghệ, thiết bị phục vụ công tác quản lý cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy và thiết bị truyền tin báo sự cố đáp ứng yêu cầu quy định trong các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc quy định của Bộ Công an;

b) Duy trì, xây dựng, phát triển giải pháp, hỗ trợ quản lý vận hành hệ thống theo yêu cầu của cơ quan Công an trong suốt quá trình hoạt động;

c) Có trung tâm hỗ trợ kỹ thuật trực tuyến 24 giờ/24 giờ; có lực lượng sửa chữa, bảo hành, thay thế thiết bị;

d) Thực hiện các yêu cầu về an ninh, an toàn thông tin mạng, bảo mật hệ thống và cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy theo đúng quy định của pháp luật.

4. Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tổ chức quản lý, khai thác, vận hành hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy và truyền tin báo sự cố; hướng dẫn chi tiết nội dung, biện pháp, quy trình triển khai, phân quyền quản lý, khai thác hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy và truyền tin báo sự cố phục vụ công tác bảo đảm an ninh, trật tự và phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên toàn quốc; kiểm tra, đánh giá, thông báo công khai đơn vị cung cấp cơ sở hạ tầng thông tin của hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy và truyền tin báo sự cố đáp ứng điều kiện nêu tại khoản 3 Điều này.

5. Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức triển khai, khai thác hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy và truyền tin báo sự cố phù hợp với quy định và hướng dẫn của Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Điều 13. Thành lập đội phòng cháy, chữa cháy chuyên ngành

Cơ sở quy định tại các điểm a, b, c, d và điểm đ khoản 3 Điều 44 Luật Phòng cháy và chữa cháy được sửa đổi, bổ sung tại khoản 25 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và các cơ sở sau: Kho dự trữ cấp quốc gia; kho dầu mỏ, sản phẩm dầu mỏ có tổng dung tích 15.000 m³ trở lên; nhà máy thủy điện có công suất từ 300 MW trở lên, nhà máy nhiệt điện có công suất từ 200 MW trở lên; cơ sở sản xuất giấy 35.000 tấn/năm trở lên; cơ sở dệt công suất 20 triệu m²/năm trở lên; cơ sở sản xuất phân đạm 180.000 tấn/năm trở lên; khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp có diện tích từ 50 ha trở lên phải lập đội phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành.

Điều 14. Nội dung, thời lượng bồi dưỡng kiến thức về phòng cháy và chữa cháy

1. Nội dung, thời lượng bồi dưỡng kiến thức về phòng cháy và chữa cháy gồm:

a) Pháp luật về phòng cháy và chữa cháy; kiến thức cơ bản về phòng cháy và chữa cháy; hệ thống, phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy. Thời lượng bồi dưỡng 90 tiết (tương đương 12 ngày);

b) Kiến thức cơ bản về thiết kế, tiêu chuẩn, quy chuẩn về phòng cháy, chữa cháy; kiến thức về phòng cháy trong đầu tư xây dựng. Thời lượng bồi dưỡng 75 tiết (tương đương 10 ngày);

c) Hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy trong công tác kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy; kiến thức cơ bản về quy trình, thiết bị phục vụ kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy. Thời lượng bồi dưỡng 30 tiết (tương đương 04 ngày);

d) Kiến thức chuyên sâu về nguyên lý, cấu tạo, yêu cầu kỹ thuật của hệ thống, phương tiện phòng cháy và chữa cháy. Thời lượng bồi dưỡng 75 tiết (tương đương 10 ngày);

đ) Kiến thức về bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy trong thi công xây dựng; biện pháp thi công, lắp đặt các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy. Thời lượng bồi dưỡng 45 tiết (tương đương 06 ngày).

2. Người đứng đầu, người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy và cá nhân quy định tại khoản 6 và khoản 8 Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP được bồi dưỡng kiến thức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

3. Cá nhân hành nghề tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy được bồi dưỡng kiến thức theo quy định tại điểm a, b và điểm d khoản 1 Điều này.

4. Cá nhân hành nghề tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy được bồi dưỡng kiến thức theo quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này.

5. Cá nhân hành nghề chỉ huy thi công về phòng cháy và chữa cháy được bồi dưỡng kiến thức theo quy định tại điểm a và điểm đ khoản 1 Điều này.

6. Cơ sở giáo dục quy định tại điểm a khoản 3 Điều 43 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP có trách nhiệm xây dựng nội dung chương trình bồi dưỡng kiến thức về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với từng đối tượng; công khai thông tin cấp chứng chỉ trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục. Nội dung công bố công khai gồm: Họ và tên, ngày tháng năm sinh của cá nhân được cấp chứng chỉ, nội dung được bồi dưỡng, số chứng chỉ, ngày tháng cấp chứng chỉ.

7. Nội dung, hình thức, quy cách của Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về phòng cháy và chữa cháy theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 15. Tem kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy

1. Tem kiểm định được dán trên các phương tiện phòng cháy và chữa cháy quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP đã được kiểm định và cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy:

a) Tem mẫu A dùng để dán lên các loại phương tiện: Xe chữa cháy; xe cứu nạn, cứu hộ; xe thang chữa cháy; xe trạm bơm; xe cung cấp chất khí chữa cháy; xe chở và nạp bình khí thở chữa cháy; xe hút khói; tàu, xuồng, ca nô chữa cháy; máy bơm chữa cháy; dụng cụ (téc, phuy, bình, can) chứa chất chữa cháy nêu tại mục 4 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP;

b) Tem mẫu B dùng để dán lên các loại phương tiện: Vòi chữa cháy; lăng chữa cháy; đầu nối, trụ nước chữa cháy;

c) Tem mẫu C dùng để dán lên các loại phương tiện: Tủ trung tâm báo cháy, đầu báo cháy các loại, chuông báo cháy, đèn báo cháy, nút ấn báo cháy; tủ điều khiển hệ thống chữa cháy tự động; chuông, còi, đèn cảnh báo xả chất chữa cháy, nút ấn xả chất chữa cháy; đèn chỉ dẫn thoát nạn, đèn chiếu sáng sự cố;

d) Tem mẫu D dùng để dán lên các loại phương tiện: Van báo động, van tràn ngập, van chọn vùng, công tắc áp lực, công tắc dòng chảy của hệ thống chữa cháy; ống phi kim loại dùng trong hệ thống cấp nước chữa cháy, ống mềm dùng cho đầu phun chữa cháy;

đ) Tem mẫu E dùng để dán lên các loại phương tiện: Bình chữa cháy các loại; chai chứa khí chữa cháy;

e) Tem mẫu G dùng để dán lên các đầu phun chất chữa cháy các loại.

2. Tem kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tổ chức in, phát hành, quản lý tem kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2021 và thay thế các Thông tư: Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số

điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Thông tư số 36/2018/TT-BCA ngày 05/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

2. Trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ thuộc Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP phải hoàn thành cập nhật cơ sở dữ liệu trực tuyến về phòng cháy, chữa cháy và kết nối truyền tin báo sự cố theo quy định của Thông tư này. Trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các cơ sở còn lại thuộc Phụ lục III (có yêu cầu trang bị hệ thống hoặc thiết bị báo cháy, chữa cháy tự động theo quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật) ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP phải hoàn thành cập nhật cơ sở dữ liệu về phòng cháy, chữa cháy và kết nối truyền tin báo sự cố theo quy định của Thông tư này.

3. Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về phòng cháy và chữa cháy của cá nhân do cơ sở giáo dục có chức năng đào tạo nghiệp vụ về phòng cháy và chữa cháy cấp theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 47 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy vẫn có giá trị sử dụng trong việc đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy và Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

4. Chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy của cá nhân đã được cấp theo quy định tại Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy sau khi hết thời hạn (nếu có) thì được cấp đổi theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ) để kịp thời hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Công an;
- Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Công thông tin điện tử Chính phủ, Bộ Công an;
- Lưu: VT, C07.

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Đại tướng Tô Lâm

Phụ lục
BIỂU MẪU SỬ DỤNG TRONG CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
(Ban hành kèm theo Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an)

...(1)... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

...(2)... **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Mẫu số 01

Ban hành kèm theo Thông
 tư số 149/2020/TT-BCA
 ngày 31/12/2020

PHIẾU CHIẾN THUẬT CHỮA CHÁY

Trích từ PACC số:.....

1. Tên cơ sở/ khu dân cư:

2. Địa chỉ:

3. Điện thoại:

4. Đơn vị được phân công thực hiện nhiệm vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ:

5. Công an cấp xã nơi xảy ra cháy:.....điện thoại:.....

6. Tuyến đường từ đơn vị được phân công thực hiện nhiệm vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đến cơ sở/khu dân cư:

a)

b)

7. Đặc điểm chiến, kỹ thuật chữa cháy

Số TT	Tình huống cháy	Loại, khối lượng chất cháy chủ yếu	Những điểm cần chú ý khi chữa cháy (Chiến thuật chữa cháy, lực lượng, phương tiện chữa cháy)

8. Huy động lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy

Số TT	Cơ quan, tổ chức được huy động	Số điện thoại	Số người huy động	Số phương tiện, thiết bị, tài sản được huy động

9. Nguồn nước phục vụ chữa cháy:

Số TT	Nguồn nước	Trữ lượng (m ³) hoặc lưu lượng (l/s)	Vị trí, khoảng cách nguồn nước (m)	Những điểm cần chú ý
1	Trong cơ sở			
2	Ngoài cơ sở			

NGƯỜI LẬP PHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan chủ quản cấp trên;

(2) Tên cơ quan ban hành Phiếu chiến thuật chữa cháy.

Phiếu chiến thuật chữa cháy có thể đánh máy hoặc viết tay nhưng phải bảo đảm dễ đọc được các thông tin trong phiếu

SƠ ĐỒ MẶT BẰNG CƠ SỞ/ KHU DÂN CƯ
(Thể hiện giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy, các hạng mục công trình)



**CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC
VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Mẫu số 02
Ban hành kèm theo Thông tư số
149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020

<p>.....(1)..... (2).....</p> <div style="border: 1px solid black; width: 150px; height: 100px; margin: 20px auto; text-align: center;"><p>Ảnh 3x4 (đóng dấu nổi của cơ sở giáo dục)</p></div> <p>Số:/.....(5)</p>	<p style="text-align: center;">CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></p> <p style="text-align: center;">.....(3).....(2).....</p> <p>Chứng nhận Ông/bà:</p> <p>Ngày, tháng, năm sinh:</p> <p>Số CMND/CCCD:</p> <p>Cấp ngày / / tại</p> <p>Đã hoàn thành chương trình:(4).....</p> <p>Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm</p> <p>Đạt loại:....., ngày tháng năm(3)..... (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)</p>
--	--



Ghi chú:

Chứng chỉ có kích thước khổ A5 (210mm x 148mm), có hai mặt, được quy định như sau:

- Mặt ngoài: Nền màu đỏ đun; phía trên ghi "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM" bằng loại chữ in hoa, kiểu chữ đậm, màu vàng, phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 12; ở giữa in hình quốc huy màu vàng, đường kính 4 cm; phía dưới ghi chữ "CHỨNG CHỈ" bằng loại chữ in hoa, kiểu chữ đậm, màu vàng, phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 20, chữ "BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY" bằng loại chữ in hoa, kiểu chữ đậm, màu trắng, phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14.

- Mặt trong in họa tiết trống đồng màu trắng, nền xanh da trời nhạt và có các nội dung ghi theo mẫu sau:

(1) Tên cơ quan chủ quản trực tiếp của cơ sở giáo dục; (2) Tên cơ sở giáo dục; (3) Thủ trưởng cơ sở giáo dục; (4) Ghi rõ loại hình được bồi dưỡng; (5) Số chứng chỉ được ghi theo thứ tự; trường hợp cấp đổi hoặc cấp lại chứng chỉ thì ghi theo số chứng chỉ cũ.

TEM KIỂM ĐỊNH PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Mẫu số 03
Ban hành kèm theo Thông tư số
149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020

Mẫu tem A



Ghi chú:

- Kích thước: 70mm x 40mm;
- Trên tem có hoa văn màu xanh biển, màu hồng, số và mã số quản lý - cỡ chữ 12;
- “CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH”: Phong chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, kiểu chữ đậm - cỡ chữ 14;
- “TEM KIỂM ĐỊNH”: Phong chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, kiểu chữ đậm - cỡ chữ 16.

Mẫu tem B



Ghi chú:

- Kích thước: 35mm x 20mm;
- Trên tem có hoa văn màu xanh biển, màu xanh lá cây, số và mã số quản lý - cỡ chữ 9;
- “CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH”: Phong chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, kiểu chữ đậm - cỡ chữ 6,5;
- “TEM KIỂM ĐỊNH”: Phong chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, kiểu chữ đậm - cỡ chữ 8.

Mẫu tem C



Ghi chú:

- Kích thước: 20mm x 20mm;
- Trên tem có hoa văn màu xanh lá cây, màu cam, số và mã số quản lý - cỡ chữ 7;
- “CSPCCC VÀ CNCH”: Phong chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, kiểu chữ đậm - cỡ chữ 6;
- “TEM KĐ”: Phong chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, kiểu chữ đậm - cỡ chữ 8.

Mẫu tem D



Ghi chú:

- Kích thước: 15mm x 15mm;
- Trên tem có hoa văn màu tím, màu hồng, số và mã số quản lý - cỡ chữ 4;
- “CSPCCC VÀ CNCH”: Phong chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, kiểu chữ đậm - cỡ chữ 4;

- “TEM KĐ”: *Phông chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, kiểu chữ đậm - cỡ chữ 7,5.*

Mẫu tem E



Ghi chú:

- Kích thước: 20mm x 30mm.
- Trên tem có hoa văn màu xanh ngọc, màu cam, số và mã số quản lý - cỡ chữ 7.
- “CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH”: *Phông chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, kiểu chữ đậm - cỡ chữ 6,5.*
- “TEM KĐ”: *Phông chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, kiểu chữ đậm - cỡ chữ 10.*

Mẫu tem G



Ghi chú:

- Kích thước: 10mm x 10mm;
- Trên tem có hoa văn màu cam, màu hồng, số quản lý - cỡ chữ 5;
- CSPCCC VÀ CNCH”: *Phông chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, kiểu chữ đậm - cỡ chữ 2,7;*
- “TEM KĐ”: *Phông chữ Times New Roman, loại chữ in hoa, kiểu chữ đậm - cỡ chữ 5.*